SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN PHỔI 74

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số:1198 /QĐ-BVP74

Phú Thọ, ngày 07 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thường xuyên năm 2026 và 2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PHỔI 74

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 04/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Phổi 74 thuộc Sở Y tế tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-BV74TW ngày 26/02/2026 của Giám đốc Bệnh viện 74 Trung ương về việc phân bổ dự toán thu, chi kinh phí chi hoạt động thường xuyên và công tác chuyên môn năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 865/QĐ-BVP74 ngày 23/5/2026 về việc phê duyệt nhiệm vụ mua sắm hóa chất, vật tư, y dụng cụ và phụ kiện phục vụ công tác khám, chữa bệnh dự kiến sử dụng trong 18 tháng;

Căn cứ Văn bản số 870/BVP74-VTTBYT ngày 24/7/2026 của Giám đốc Bệnh viện về việc Mời chào giá;

Căn cứ báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam;

Căn cứ vào các Quyết định trúng thầu tham khảo trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ dự kiến Dự toán mua sắm thường xuyên năm 2027;

Theo đề nghị của Phòng Vật tư thiết bị y tế tại Tờ trình ngày 02 tháng 10 năm 2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm

thường xuyên năm 2026 và 2027.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thường xuyên năm 2026 và 2027 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phòng Vật tư thiết bị y tế và các ban, phòng, khoa có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGĐ (BC);
- Như Điều 2;
- Lưu VT, VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN PHỔI 74

Vũ Quang Diễn

Phụ lục

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM: MUA SẮM THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 VÀ 2027

(Kèm theo Quyết định số 1198 */QĐ-BVP74 ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Phổi 74)*

Stt	Tên chủ đầu tư[1]	Tên gói thầu[3]		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Bệnh viện Phổi 74	Mua 75 danh mục hóa chất, vật tư và phụ kiện phục vụ công tác khám, chữa bệnh dự kiến sử dụng trong 3 tháng	Mua hóa chất, vật tư và phụ kiện gồm 75 danh mục, phân chia thành 9 lô.	1.994.253.826 đồng	Nguồn thu hoạt động sự nghiệp năm 2026 và 2027	Chào giá trực tuyến rút gọn		30 ngày	Quý IV/ 2026	Đơn giá cố định	3 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu:				**1.994.253.826 đồng**								

PHỤ LỤC I:

(Kèm theo Quyết định số: 1198 */QĐ-BVP74 ngày* 07 *tháng 10 năm 2026)*

Stt hàng hóa	Stt lô	Stt trong lô	Tên hàng hóa	Thành tiền (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Đơn vị tính thời gian thực hiện gói thầu
I	**1**		**Xét nghiệm miễn dịch**	**429.988.508**	**3**	**Tháng**
1		1	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm NT-proBNP dùng cho máy phân tích miễn dịch			
2		2	Hoá chất kiểm soát xét nghiệm NT-proBNP dùng cho máy phân tích miễn dịch			
3		3	Hoá chất xét nghiệm NT-proBNP dùng cho máy phân tích miễn dịch			
4		4	Hoá hiệu chuẩn cho xét nghiệm PCT			
5		5	Hoá chất kiểm soát xét nghiệm PCT			
6		6	Hoá chất xét nghiệm PCT			
7		7	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA			
8		8	Hoá chất kiểm soát xét nghiệm CEA			
9		9	Hóa chất xét nghiệm CEA			
10		10	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cyfra 21-1			
11		11	Hoá chất kiểm soát xét nghiệm Cyfra 21-1			
12		12	Hoá chất xét nghiệm Cyfra 21-1			
13		13	Hóa chất rửa xét nghiệm miễn dịch			
14		14	Hoá chất tiền xúc tác			
15		15	Hoá chất xúc tác			
16		16	Cốc đựng mẫu dùng cho máy phân tích miễn dịch			
17		17	Cóng phản ứng dùng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động			
18		18	Dung dịch đệm rửa			
II	**2**		**Xét nghiệm sinh hóa**	**542.779.482**	**3**	**Tháng**
19		1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin			
20		2	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT			
21		3	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST			
22		4	Hóa chất xét nghiệm định lượng cholesterol			
23		5	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK			
24		6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB			
25		7	Hóa chất kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh			
26		8	Hóa chất kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh			
27		9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinin			
28		10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP			
29		11	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao			
30		12	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường			

31		13	Hóa chất xét nghiệm định lượng bilirubin			
32		14	Hóa chất xét nghiệm định lượng GGT			
33		15	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose			
34		16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c			
35		17	Hóa chất ly giải xét nghiệm định lượng HbA1c			
36		18	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c			
37		19	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol			
38		20	Hóa chất xét nghiệm định lượng nồng độ sắt			
39		21	Hoá chất xét nghiệm định lượng Lactate			
40		22	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol			
41		23	Hóa chất xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần			
42		24	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần			
43		25	Hóa chất xét nghiệm định lượng urea			
44		26	Hóa chất xét nghiệm định lượng triglyceride			
45		27	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid Uric			
46		28	Hóa chất xét nghiệm định lượng α-amylase			
47		29	Hóa chất đệm dùng cho xét nghiệm điện giải			
48		30	Hóa chất hiệu chuẩn mức trung bình dùng cho xét nghiệm điện giải			
49		31	Hoá chất điện giải cho điện cực tham chiếu dùng cho xét nghiệm điện giải			
III	**3**		**Xét nghiệm khí máu**	**77.813.636**	**3**	**Tháng**
50		1	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu			
51		2	Hóa chất hiệu chỉnh dùng cho máy xét nghiệm khí máu			
52		3	Cổng nhận mẫu dùng cho máy xét nghiệm khí máu.			
IV	**4**		**Xét nghiệm đông máu**	**225.619.800**	**3**	**Tháng**
53		1	Hoá chất thử thomboplastin độ nhạy cao			
54		2	Hóa chất xét nghiệm thời gian đông máu			
55		3	Hóa chất pha loãng			
56		4	Hóa chất xét nghiệm định lượng D-Dimer			
57		5	Hóa chất kiểm chuẩn định lượng D-Dimer			
58		6	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu			
59		7	Hóa chất làm sạch trên hệ thống máy đông máu tự động			
V	**5**		**Xét nghiệm huyết học**	**381.914.400**	**3**	**Tháng**
60		1	Hóa chất ly giải hồng cầu			
61		2	Hóa chất rửa dùng cho xét nghiệm huyết học			

62		3	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng 23 thông số			
63		4	Hóa chất ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu			
64		5	Hóa chất pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học			
VI	**6**		**Xét nghiệm nuôi cấy vi khuẩn lao**	**181.080.000**	**3**	**Tháng**
65		1	Hóa chất bổ trợ nuôi cấy vi khuẩn lao hàng 1			
66		2	Môi trường nuôi cấy phát hiện vi khuẩn mycobacteria			
VII	**7**		**Định danh và làm kháng sinh đồ vi khuẩn, vi nấm**	**81.687.000**	**3**	**Tháng**
67		1	Chỉ thị kháng sinh đồ ast indicator			
68		2	Thẻ định danh và kháng sinh đồ gram âm			
69		3	Hóa chất xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm			
VIII	**8**		**Khoanh kháng sinh**	**20.871.000**	**3**	**Tháng**
70		1	Chủng vi sinh vật chuẩn Escherichia coli			
71		2	Chủng vi sinh vật chuẩn Haemophilus influenzae			
72		3	Chủng vi sinh vật chuẩn Pseudomonas aeruginosa			
73		4	Chủng vi sinh vật chuẩn Staphylococcus aureus subsp			
74		5	Chủng vi sinh vật chuẩn Streptococcus pneumoniae			
IX	**9**		**Test nhanh và hóa chất khác**	**52.500.000**	**3**	**Tháng**
75		1	Máu cừu			
			Tổng: 75 danh mục (9 lô)	**1.994.253.826**		